



**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Kiên Giang**

**Báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc  
ngày 31 tháng 12 năm 2018**



**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Kiên Giang**  
**Thông tin về Công ty**

**Giấy Chứng nhận**

**Đăng ký Doanh nghiệp số**

1701947619

ngày 17 tháng 2 năm 2014

1701947619

ngày 19 tháng 9 năm 2016

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần, và lần điều chỉnh gần đây nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 1701947619 ngày 19 tháng 9 năm 2016. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và các bản điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Kiên Giang cấp.

**Hội đồng Quản trị**

Ông Lê Hồng Xanh

Chủ tịch

Ông Phan Đăng Tuất

Thành viên

Ông Nguyễn Trí Dũng

Thành viên

Ông Võ Thanh Hà

Thành viên

(đến ngày 8 tháng 6 năm 2018)

Ông Teo Hong Keng

Thành viên

(từ ngày 9 tháng 6 năm 2018)

Ông Lê Văn Thập

Thành viên

**Ban Kiểm soát**

Bà Nguyễn Thị Hải Yến

Trưởng ban

Ông Nguyễn Văn Minh

Thành viên

Bà Nguyễn Thị Ngọc Nhiều

Thành viên

**Ban Giám đốc**

Ông Lê Văn Thập

Giám đốc

Ông Hoàng Xuân Tùng

Phó Giám đốc

Ông Trần Tuấn Anh

Phó Giám đốc

**Trụ sở đăng ký**

Đường D1, D2 - Khu Công nghiệp Thạnh Lộc  
Xã Thạnh Lộc, Huyện Châu Thành  
Tỉnh Kiên Giang  
Việt Nam

**Công ty kiểm toán**

Công ty TNHH KPMG  
Việt Nam

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Kiên Giang**  
**Báo cáo của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Kiên Giang (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng đính kèm của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính riêng được trình bày từ trang 5 đến trang 37 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính trước hợp nhất của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Giám đốc Công ty cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính riêng đính kèm.



Thay mặt Ban Giám đốc

Lê Văn Thập  
Giám đốc

Kiên Giang, ngày 29 tháng 3 năm 2019



KPMG Limited Branch  
10<sup>th</sup> Floor, Sun Wah Tower  
115 Nguyen Hue Street, Ben Nghe Ward  
District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam  
+84 (28) 3821 9266 | kpmg.com.vn

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

### **Kính gửi các Cổ đông Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Kiên Giang**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng đính kèm của Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Kiên Giang ("Công ty"), bao gồm bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 29 tháng 3 năm 2019, được trình bày từ trang 5 đến trang 37.

### **Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



### Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính trước hợp nhất của Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Kiên Giang tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

### Vấn đề khác

Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán khác và công ty kiểm toán này đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính này trong báo cáo kiểm toán ngày 26 tháng 1 năm 2018.

### Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 18-01-00779-19-1



Hà Vũ Định

Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề  
Kiểm toán số 0414-2018-007-1  
Phó Tổng Giám đốc

Nguyễn Thanh Nghị

Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề  
Kiểm toán số 0304-2018-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 3 năm 2019

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Kiên Giang**  
**Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2018**

**Mẫu B 01 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>31/12/2018 VND</b>	<b>1/1/2018 VND</b>
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>Tài sản ngắn hạn</b> (100 = 110 + 130 + 140 + 150)	<b>100</b>		<b>190.447.857.069</b>	<b>133.609.886.721</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5</b>	<b>21.358.434.250</b>	<b>26.405.622.565</b>
Tiền	111		2.358.434.250	6.405.622.565
Các khoản tương đương tiền	112		19.000.000.000	20.000.000.000
<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>72.583.865.621</b>	<b>40.031.945.538</b>
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	61.820.029.613	35.573.613.999
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		9.511.053.549	4.351.014.561
Phải thu ngắn hạn khác	136		1.252.782.459	107.316.978
<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>7</b>	<b>94.599.341.514</b>	<b>65.264.736.145</b>
<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>1.906.215.684</b>	<b>1.907.582.473</b>
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		1.605.901.365	1.874.445.631
Thuế phải thu Nhà nước	153		300.314.319	33.136.842

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này*

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Kiên Giang**

**Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)**

**Mẫu B 01 - DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>31/12/2018 VND</b>	<b>1/1/2018 VND</b>
<b>Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 230 + 240 + 250 + 260)</b>	<b>200</b>		<b>945.938.141.948</b>	<b>912.890.026.083</b>
<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>2.760.000.000</b>	<b>2.760.000.000</b>
Phải thu dài hạn khác	216		2.760.000.000	2.760.000.000
<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>808.021.984.096</b>	<b>835.373.597.846</b>
Tài sản cố định hữu hình	221	8	806.512.575.530	833.807.294.736
Nguyên giá	222		973.815.866.267	941.591.640.449
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(167.303.290.737)	(107.784.345.713)
Tài sản cố định vô hình	227	9	1.509.408.566	1.566.303.110
Nguyên giá	228		1.596.095.495	1.596.095.495
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(86.686.929)	(29.792.385)
<b>Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>	<b>10</b>	<b>76.346.814.585</b>	<b>12.460.469.373</b>
Nguyên giá	231		77.642.556.851	13.403.556.851
Giá trị hao mòn lũy kế	232		(1.295.742.266)	(943.087.478)
<b>Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>6.253.982.536</b>	<b>13.795.612.723</b>
Xây dựng cơ bản dở dang	242	11	6.253.982.536	13.795.612.723
<b>Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>12</b>	<b>13.277.183.000</b>	<b>300.000.000</b>
Đầu tư vào công ty con	251		13.277.183.000	-
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	300.000.000
<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>39.278.177.731</b>	<b>48.200.346.141</b>
Chi phí trả trước dài hạn	261	13	39.278.177.731	48.200.346.141
<b>TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>1.136.385.999.017</b>	<b>1.046.499.912.804</b>

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Kiên Giang**  
**Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)**

Mẫu B 01 – DN  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2018 VND	1/1/2018 VND
<b>NGUỒN VỐN</b>				
<b>NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)</b>	<b>300</b>		<b>974.757.099.467</b>	<b>889.255.817.294</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>721.067.602.016</b>	<b>521.247.128.461</b>
Phải trả người bán ngắn hạn	311	14	80.351.183.734	42.100.935.714
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		1.838.020.234	-
Thuế phải nộp Nhà nước	313	15	180.047.236.407	139.586.387.059
Phải trả người lao động	314		5.944.758.981	5.135.735.779
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	16	6.304.394.331	6.582.934.554
Phải trả ngắn hạn khác	319		2.580.017.939	799.167.969
Vay ngắn hạn	320	17(a)	441.544.013.809	325.402.499.381
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	18	2.457.976.581	1.639.468.005
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>253.689.497.451</b>	<b>368.008.688.833</b>
Phải trả dài hạn khác	337		1.624.707.250	250.000.000
Vay dài hạn	338	17(b)	251.740.549.899	367.758.688.833
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		324.240.302	-
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)</b>	<b>400</b>		<b>161.628.899.550</b>	<b>157.244.095.510</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>19</b>	<b>161.628.899.550</b>	<b>157.244.095.510</b>
Vốn cổ phần	411	20	115.000.000.000	115.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		115.000.000.000	115.000.000.000
Quỹ đầu tư phát triển	418	22	10.704.336.617	6.022.944.394
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		2.195.525.780	3.005.039.423
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		33.729.037.153	33.216.111.693
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		2.676.111.693	2.555.500.937
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		31.052.925.460	30.660.610.756
<b>TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>1.136.385.999.017</b>	<b>1.046.499.912.804</b>

Ngày 29 tháng 3 năm 2019

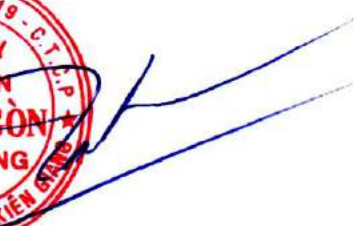
Người lập:

  
 Nguyễn Vũ Lâm  
 Kế toán

Người duyệt:

  
 Hà Thị Hoàn Hào  
 Kế toán Trưởng



  
 Lê Văn Thập  
 Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này



**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Kiên Giang**

**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018**

**Mẫu B 02 – DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2018 VND	2017 VND
<b>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>01</b>	<b>24</b>	<b>802.210.944.898</b>	<b>717.171.130.316</b>
<b>Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp</b>	<b>11</b>	<b>25</b>	<b>653.808.413.262</b>	<b>560.074.242.907</b>
<b>Lợi nhuận gộp (20 = 01 - 11)</b>	<b>20</b>		<b>148.402.531.636</b>	<b>157.096.887.409</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	21	26	174.075.668	2.253.094.159
Chi phí tài chính	22	27	48.158.190.683	38.094.198.454
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		48.124.883.878	38.054.063.971
Chi phí bán hàng	25	28	14.193.751.624	14.641.581.064
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	29	34.172.320.118	40.454.607.730
<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}</b>	<b>30</b>		<b>52.052.344.879</b>	<b>66.159.594.320</b>
Thu nhập khác	31		139.162.897	298.418.053
Chi phí khác	32		19.062.581	795.224.099
<b>Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32)</b>	<b>40</b>		<b>120.100.316</b>	<b>(496.806.046)</b>
<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)</b>	<b>50</b>		<b>52.172.445.195</b>	<b>65.662.788.274</b>
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>51</b>	<b>31</b>	<b>4.410.406.653</b>	<b>5.433.344.337</b>
<b>Chi phí thuế TNDN hoãn lại</b>	<b>52</b>	<b>31</b>	<b>324.240.302</b>	<b>-</b>
<b>Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)</b>	<b>60</b>		<b>47.437.798.240</b>	<b>60.229.443.937</b>

Ngày 29 tháng 3 năm 2019

Người lập:



Nguyễn Vũ Lâm  
Kế toán

Người duyệt:



Hà Thị Hoàn Hào  
Kế toán Trưởng

Lê Văn Thập  
Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Kiên Giang**  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018**  
**(Phương pháp gián tiếp)**

**Mẫu B 03 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Mã</b>	<b>Thuyết</b>	<b>2018</b>	<b>2017</b>
	<b>số</b>	<b>minh</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>01</b>		<b>52.172.445.195</b>	<b>65.662.788.274</b>
<b>Điều chỉnh cho các khoản</b>				
Khấu hao và phân bổ	02		59.928.494.356	48.696.905.295
Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(174.075.668)	(288.685.588)
Chi phí lãi vay	06		48.124.883.878	38.054.063.971
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>		<b>160.051.747.761</b>	<b>152.125.071.952</b>
Biến động các khoản phải thu	09		(32.819.097.560)	30.939.096.285
Biến động hàng tồn kho	10		(29.334.605.369)	(35.511.875.509)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		81.860.852.969	(80.051.454.852)
Biến động chi phí trả trước	12		9.190.712.676	(27.049.063.676)
			<b>188.949.610.477</b>	<b>40.451.774.200</b>
Tiền lãi vay đã trả	14		(47.746.778.942)	(37.776.101.212)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(6.433.344.337)	-
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(7.993.579.758)	(8.715.247.765)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>126.775.907.440</b>	<b>(6.039.574.777)</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định	21		(90.393.363.917)	(176.820.986.230)
Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	25		(12.977.183.000)	-
Tiền thu lãi cho vay và cổ tức	27		174.075.668	288.685.588
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(103.196.471.249)</b>	<b>(176.532.300.642)</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này*

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Kiên Giang**  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018**  
**(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)**


**Mẫu B 03 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>2018 VND</b>	<b>2017 VND</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
Tiền thu từ đi vay	33		1.209.893.949.597	1.734.141.757.071
Tiền trả nợ gốc vay	34		(1.209.770.574.103)	(1.530.740.315.763)
Tiền trả cổ tức	36		(28.750.000.000)	(33.000.000.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(28.626.624.506)</b>	<b>170.401.441.308</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)</b>	<b>50</b>		<b>(5.047.188.315)</b>	<b>(12.170.434.111)</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>		<b>26.405.622.565</b>	<b>38.576.056.676</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60)</b>	<b>70</b>	<b>5</b>	<b>21.358.434.250</b>	<b>26.405.622.565</b>

Ngày 29 tháng 3 năm 2019

Người lập:

  
 Nguyễn Vũ Lâm  
 Kế toán

  
 Hà Thị Hoàn Hào  
 Kế toán Trưởng

Người duyệt:

  
 Lê Văn Thập  
 Giám đốc

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này*

## **Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Kiên Giang**

### **Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018**

**Mẫu B 09 – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng đính kèm.

## **1. Đơn vị báo cáo**

### **(a) Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Kiên Giang (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam.

### **(b) Hoạt động chính**

Các hoạt động chính của Công ty là sản xuất bia và mạch nha ủ men bia; chưng, tinh chất và pha chế các loại rượu mạnh; sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng và các hoạt động khác.

### **(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

### **(d) Cấu trúc Công ty**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Công ty có 1 công ty con (1/1/2018: Không), chi tiết được trình bày tại Thuyết minh 12.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Công ty có 145 nhân viên (1/1/2018: 146 nhân viên).

## **2. Cơ sở lập báo cáo tài chính**

### **(a) Tuyên bố về tuân thủ**

Báo cáo tài chính riêng được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty cũng lập và phát hành báo cáo tài chính hợp nhất. Để có thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty, báo cáo tài chính riêng này cần được đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty.

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Kiên Giang**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**(b) Cơ sở đo lường**

Báo cáo tài chính riêng, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng được lập theo phương pháp gián tiếp.

**(c) Giả định hoạt động liên tục**

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở hoạt động liên tục. Tại ngày lập bảng cân đối kế toán, nợ ngắn hạn đã vượt quá tài sản ngắn hạn là 530.620 triệu VND (1/1/2018: 387.637 triệu VND). Công ty cũng có các khoản vay đáng kể cần tái tài trợ trong vòng 12 tháng kế tiếp (Thuyết minh 17). Hơn nữa, Công ty chủ yếu sản xuất và bán hàng cho bên liên quan là Công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước Giải Khát Sài Gòn. Giá trị của giả định hoạt động liên tục sử dụng trong việc lập báo cáo tài chính này cơ bản tùy thuộc vào việc Công ty tiếp tục nhận đủ đơn đặt hàng từ Công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước Giải Khát Sài Gòn, tạo ra dòng tiền thuần từ hoạt động kinh doanh và có sẵn các khoản tín dụng ngân hàng nhằm giúp Công ty có thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn và duy trì sự tồn tại và hoạt động liên tục của Công ty trong một tương lai có thể dự kiến trước được.

Tại ngày lập báo cáo này, Công ty vẫn còn các khoản tín dụng ngân hàng sẵn có và cũng không có lý do gì để Ban Giám đốc Công ty cho rằng Công ty sẽ không tiếp tục nhận đủ đơn đặt hàng từ Công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước Giải Khát Sài Gòn và tạo ra dòng tiền thuần từ hoạt động kinh doanh.

**(d) Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

**(e) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tài chính**

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Kiên Giang**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu**

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng này.

**(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ**

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND lần lượt theo tỷ giá mua chuyển khoản và bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

**(b) Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

**(c) Các khoản đầu tư**

**(i) Đầu tư vào công ty con**

Cho mục đích của báo cáo tài chính riêng này, các khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Kiên Giang**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**(ii) Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác**

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

**(d) Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

**(e) Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng trực tiếp.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

**(f) Tài sản cố định hữu hình**

**(i) Nguyên giá**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không được hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Kiên Giang**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**(ii) Khấu hao**

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa, vật kiến trúc	5 – 38 năm
▪ máy móc và thiết bị	5 – 12 năm
▪ phương tiện vận chuyển	6 – 10 năm
▪ thiết bị quản lý	2 – 10 năm
▪ tài sản khác	3 năm

**(g) Tài sản cố định vô hình**

**(i) Quyền sử dụng đất**

Quyền sử dụng đất gồm:

- Quyền sử dụng đất được Nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất;
- Quyền sử dụng đất nhận chuyển nhượng hợp pháp; và
- Quyền sử dụng đất thuê trước ngày có hiệu lực của Luật Đất đai năm 2003 mà tiền thuê đất đã được trả trước cho thời hạn dài hơn 5 năm và được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất. Quyền sử dụng đất không thời hạn được ghi nhận theo giá gốc và không trích khấu hao.

**(ii) Phần mềm máy vi tính**

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 8 năm.



**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Kiên Giang**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**(h) Bất động sản đầu tư**

**(i) Bất động sản đầu tư cho thuê**

*Nguyên giá*

Bất động sản đầu tư cho thuê được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của bất động sản đầu tư cho thuê bao gồm giá mua, chi phí quyền sử dụng đất và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đến điều kiện cần thiết để tài sản có thể hoạt động theo cách thức đã dự kiến bởi Ban Giám đốc Công ty. Các chi phí phát sinh sau khi bất động sản đầu tư cho thuê đã được đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa và bảo trì được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong năm mà các chi phí này phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ bất động sản đầu tư cho thuê vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của bất động sản đầu tư cho thuê.

*Khấu hao*

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của bất động sản đầu tư.

- nhà cửa, vật kiến trúc 5 – 38 năm

**(ii) Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá**

Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá được phản ánh theo giá gốc trừ đi các khoản giảm giá trị theo giá thị trường. Giá trị ghi sổ của bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá sẽ được ghi giảm nếu có bằng chứng cho thấy giá thị trường của bất động sản đầu tư giảm xuống thấp hơn giá trị ghi sổ của bất động sản này và giá trị khoản tổn thất có thể xác định được một cách đáng tin cậy. Khoản ghi giảm giá trị của bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá được tính vào giá vốn hàng bán.

**(i) Xây dựng cơ bản dở dang**

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi cho công trình xây dựng và máy móc chưa hoàn thành hoặc lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Kiên Giang**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**(j) Chi phí trả trước dài hạn**

**(i) Chi phí đất trả trước**

Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước, kể cả các khoản liên quan đến đất thuê mà Công ty đã nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định vô hình theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định, và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc bảo đảm cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất từ 32 đến 35 năm.

**(ii) Bao bì luân chuyển**

Bao bì luân chuyển bao gồm chai, kết sử dụng trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty và được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Bao bì chai kết được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

**(iii) Công cụ và dụng cụ**

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 3 năm.

**(k) Các khoản phải trả người bán và phải trả khác**

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

**(l) Dự phòng**

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và tương đối chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Kiên Giang**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**(m) Vốn cổ phần**

***Cổ phiếu phổ thông***

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Chênh lệch giữa số tiền thu được từ việc phát hành cổ phiếu theo mệnh giá được ghi nhận vào thặng dư vốn cổ phần. Các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu phổ thông, sau khi trừ đi các ảnh hưởng của thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

**(n) Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để các chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

**(o) Doanh thu và thu nhập khác**

***(i) Doanh thu bán hàng***

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu hàng bán được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Kiên Giang**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**(ii) Doanh thu cho thuê**

Doanh thu cho thuê tài sản được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng cho thuê được ghi nhận như là một bộ phận hợp thành của tổng doanh thu cho thuê.

**(iii) Thu nhập từ tiền lãi**

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

**(iv) Thu nhập từ cổ tức**

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu hoạt động tài chính. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước khi mua khoản đầu tư được ghi giảm vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

**(p) Các khoản thanh toán thuê hoạt động**

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

**(q) Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

**(r) Báo cáo bộ phận**

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Công ty là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh.

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Kiên Giang**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**(s) Các bên liên quan**

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là bên liên quan.

**4. Báo cáo bộ phận**

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là sản xuất và kinh doanh các sản phẩm bia. Hoạt động khác là cho thuê bất động sản đầu tư. Trong năm, hoạt động khác chiếm tỷ trọng không đáng kể trong tổng doanh thu và kết quả hoạt động của Công ty, theo đó thông tin tài chính trình bày trên bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 và ngày 1 tháng 1 năm 2018 và toàn bộ doanh thu, chi phí trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 và 31 tháng 12 năm 2017 chủ yếu liên quan đến hoạt động kinh doanh chính của Công ty.

Về mặt địa lý, Công ty chỉ hoạt động trên lãnh thổ Việt Nam.

**5. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<b>31/12/2018</b>	<b>1/1/2018</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tiền mặt	33.187.118	13.191.490
Tiền gửi ngân hàng	2.325.247.132	6.392.431.075
Các khoản tương đương tiền	19.000.000.000	20.000.000.000
	<hr/>	<hr/>
	21.358.434.250	26.405.622.565

Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng với thời gian đáo hạn không quá ba tháng kể từ ngày gửi và hưởng lãi suất từ 4,5% đến 5,3% một năm (1/1/2018: 4,0% đến 4,3% một năm).

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Kiên Giang**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**6. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

**(a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo các khách hàng lớn**

	<b>31/12/2018</b>	<b>1/1/2018</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn	55.072.169.614	31.049.297.290
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Sài Gòn – Thạnh Lộc	5.718.483.237	4.363.606.709
Các khách hàng khác	1.029.376.762	160.710.000
	61.820.029.613	35.573.613.999

**(b) Phải thu của khách hàng là bên liên quan**

	<b>31/12/2018</b>	<b>1/1/2018</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn	55.072.169.614	31.049.297.290

Khoản phải thu từ bên liên quan không có đảm bảo, không hưởng lãi và có thể thu được khi có yêu cầu.

**7. Hàng tồn kho**

	<b>31/12/2018</b>		<b>1/1/2018</b>	
	<b>Giá gốc</b>	<b>Dự phòng</b>	<b>Giá gốc</b>	<b>Dự phòng</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Hàng mua đang đi trên đường	56.362.000	-	-	-
Nguyên vật liệu	36.424.269.537	-	23.901.685.052	-
Công cụ và dụng cụ	11.913.737.416	-	11.173.316.410	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	31.966.726.964	-	24.183.986.803	-
Thành phẩm	14.216.645.597	-	5.760.897.880	-
Hàng hóa	21.600.000	-	244.850.000	-
	94.599.341.514	-	65.264.736.145	-

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Kiên Giang****Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***8. Tài sản cố định hữu hình**

	<b>Nhà cửa, vật kiến trúc VND</b>	<b>Máy móc và thiết bị VND</b>	<b>Phương tiện vận chuyển VND</b>	<b>Thiết bị quản lý VND</b>	<b>Tài sản khác VND</b>	<b>Tổng VND</b>
<b>Nguyên giá</b>						
Số dư đầu năm	229.622.002.956	630.927.590.516	36.557.463.671	43.889.770.124	594.813.182	941.591.640.449
Tăng trong năm	518.489.456	3.460.000.000	2.875.536.364	1.276.536.600	-	8.130.562.420
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	8.015.170.744	16.452.451.999	-	-	-	24.467.622.743
Điều chỉnh khác	(373.959.345)	-	-	-	-	(373.959.345)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>237.781.703.811</b>	<b>650.840.042.515</b>	<b>39.433.000.035</b>	<b>45.166.306.724</b>	<b>594.813.182</b>	<b>973.815.866.267</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>						
Số dư đầu năm	14.674.919.187	76.310.711.050	7.405.013.031	9.167.326.017	226.376.428	107.784.345.713
Khấu hao trong năm	8.874.285.712	43.184.575.228	3.553.253.526	3.826.877.268	79.953.290	59.518.945.024
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>23.549.204.899</b>	<b>119.495.286.278</b>	<b>10.958.266.557</b>	<b>12.994.203.285</b>	<b>306.329.718</b>	<b>167.303.290.737</b>
<b>Giá trị còn lại</b>						
Số dư đầu năm	214.947.083.769	554.616.879.466	29.152.450.640	34.722.444.107	368.436.754	833.807.294.736
Số dư cuối năm	214.232.498.912	531.344.756.237	28.474.733.478	32.172.103.439	288.483.464	806.512.575.530

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 có các tài sản có nguyên giá 986.110 triệu VND (1/1/2018: 833.439 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của công ty (Thuyết minh 17).

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Kiên Giang****Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018  
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***9. Tài sản cố định vô hình**

	<b>Quyền sử dụng đất VND</b>	<b>Phần mềm máy vi tính VND</b>	<b>Tổng VND</b>
<b>Nguyên giá</b>			
Số dư đầu năm và cuối năm	1.038.400.000	557.695.495	1.596.095.495
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Số dư đầu năm	-	29.792.385	29.792.385
Khấu hao trong năm	-	56.894.544	56.894.544
Số dư cuối năm	-	86.686.929	86.686.929
<b>Giá trị còn lại</b>			
Số dư đầu năm	1.038.400.000	527.903.110	1.566.303.110
Số dư cuối năm	1.038.400.000	471.008.566	1.509.408.566

**10. Bất động sản đầu tư**

	<b>31/12/2018 VND</b>	<b>1/1/2018 VND</b>
Bất động sản đầu tư cho thuê (a)	12.107.814.585	12.460.469.373
Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá (b)	64.239.000.000	-
	<b>76.346.814.585</b>	<b>12.460.469.373</b>



**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Kiên Giang**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**(a) Bất động sản đầu tư cho thuê**

	<b>Nhà cửa, vật kiến trúc VND</b>
<b>Nguyên giá</b>	
Số dư đầu năm và cuối năm	13.403.556.851
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>	
Số dư đầu năm	943.087.478
Khấu hao trong năm	352.654.788
Số dư cuối năm	1.295.742.266
<b>Giá trị còn lại</b>	
Số dư đầu năm	12.460.469.373
Số dư cuối năm	12.107.814.585

**(b) Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá**

Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 phản ánh quyền sử dụng đất của Công ty tại Huyện Phú Quốc, Tỉnh Kiên Giang.

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư để thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng bởi vì các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá có thể khác với giá trị ghi sổ.

**11. Xây dựng cơ bản dở dang**

	<b>2018 VND</b>	<b>2017 VND</b>
Số dư đầu năm	13.795.612.723	192.211.965.447
Tăng trong năm	16.925.992.556	172.270.083.165
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(24.467.622.743)	(350.686.435.889)
Số dư cuối năm	6.253.982.536	13.795.612.723

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Kiên Giang**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**12. Đầu tư tài chính dài hạn**

			31/12/2018		
Đầu tư vào công ty con	Số lượng cổ phiếu	% sở hữu và quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND
Công ty Cổ phần Kho Vận Bia Sài Gòn Kiên Giang	599.000	99,83%	13.277.183.000	(*)	-
			1/1/2018		
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	Số lượng cổ phiếu	% sở hữu và quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND
Công ty Cổ phần Kho Vận Bia Sài Gòn Kiên Giang	30.000	5%	300.000.000	(*)	-

(\*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của công cụ tài chính này để thuyết minh trong báo cáo tài chính bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các công cụ tài chính này và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

Biến động đầu tư tài chính dài hạn trong năm như sau:

	2018 VND	2017 VND
Số dư đầu năm	300.000.000	300.000.000
Tăng trong năm	12.977.183.000	-
Số dư cuối năm	13.277.183.000	300.000.000

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Kiên Giang**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018**  
 (tiếp theo)

**Mẫu B 09 – DN**  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**13. Chi phí trả trước dài hạn**

	<b>Chi phí đất trả trước VND</b>	<b>Bao bì luân chuyển VND</b>	<b>Công cụ và dụng cụ VND</b>	<b>Chi phí khác VND</b>	<b>Tổng VND</b>
Số dư đầu năm	21.918.473.168	20.356.657.591	1.164.094.574	4.761.120.808	48.200.346.141
Tăng trong năm	-	2.326.797.747	1.505.678.143	2.979.598.132	6.812.074.022
Phân bổ trong năm	-	(11.836.454.944)	(865.138.178)	(3.032.649.310)	(15.734.242.432)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>21.918.473.168</b>	<b>10.847.000.394</b>	<b>1.804.634.539</b>	<b>4.708.069.630</b>	<b>39.278.177.731</b>

**14. Phải trả người bán ngắn hạn**

**(a) Phải trả người bán chi tiết theo các nhà cung cấp lớn**

	<b>Giá trị ghi sổ/Số có khả năng trả nợ 31/12/2018 VND</b>	<b>1/1/2018 VND</b>
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn	63.613.089.846	10.918.868.380
Các nhà cung cấp khác	16.738.093.888	31.182.067.334
	<b>80.351.183.734</b>	<b>42.100.935.714</b>

**(b) Phải trả người bán là các bên liên quan**

	<b>Giá trị ghi sổ/Số có khả năng trả nợ 31/12/2018 VND</b>	<b>1/1/2018 VND</b>
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn	63.613.089.846	10.918.868.380

Khoản phải trả cho các bên liên quan không có đảm bảo, không chịu lãi và phải hoàn trả khi được yêu cầu.

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Kiên Giang****Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018  
(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**15. Thuế phải nộp Nhà nước**

	1/1/2018 VND	Số phát sinh trong năm VND	Số đã nộp/cần trừ trong năm VND	31/12/2018 VND
Thuế giá trị gia tăng	10.159.239.120	158.823.732.992	(157.313.137.499)	11.669.834.613
Thuế tiêu thụ đặc biệt	122.998.198.668	787.301.912.141	(745.333.115.668)	164.966.995.141
Thuế thu nhập doanh nghiệp	5.433.344.337	4.410.406.653	(6.433.344.337)	3.410.406.653
Thuế thu nhập cá nhân	995.604.934	3.063.181.549	(4.058.786.483)	-
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	3.000.000	(3.000.000)	-
	<u>139.586.387.059</u>	<u>953.602.233.335</u>	<u>(913.141.383.987)</u>	<u>180.047.236.407</u>

**16. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	31/12/2018 VND	1/1/2018 VND
Chi phí lãi vay	1.149.072.015	770.967.079
Chi phí xây dựng	1.399.375.307	2.497.184.248
Chi phí trích trước khác	3.755.947.009	3.314.783.227
	<u>6.304.394.331</u>	<u>6.582.934.554</u>

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Kiên Giang**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**17. Vay**

**(a) Vay ngắn hạn**

	1/1/2018 Giá trị ghi sổ/ Số có khả năng trả nợ VND	Biến động trong năm		31/12/2018 Giá trị ghi sổ/ Số có khả năng trả nợ VND
		Tăng VND	Giảm VND	
Vay ngắn hạn	209.384.360.447	1.209.893.949.597	(1.093.752.435.169)	325.525.874.875
Vay dài hạn đến hạn trả	116.018.138.934	116.018.138.934	(116.018.138.934)	116.018.138.934
	325.402.499.381	1.325.912.088.531	(1.209.770.574.103)	441.544.013.809

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	31/12/2018 VND	1/1/2018 VND
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh 4	VND	5,2% - 7%	219.530.459.957	209.384.360.447
Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh	VND	6,5% - 6,75%	49.864.695.975	-
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	VND	5% - 7,4%	56.130.718.943	-
			325.525.874.875	209.384.360.447

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Kiên Giang**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Vay ngắn hạn từ Ngân hàng TMCP Công Thương Việt nam – Chi nhánh 4 được đảm bảo bằng tài sản cố định như trình bày ở Thuyết minh 17(b). Các khoản vay ngắn hạn còn lại không được đảm bảo.

**(b) Vay dài hạn**

	<b>31/12/2018</b> <b>VND</b>	<b>1/1/2018</b> <b>VND</b>
Vay dài hạn	367.758.688.833	483.776.827.767
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(116.018.138.934)	(116.018.138.934)
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng	251.740.549.899	367.758.688.833

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn hiện còn số dư như sau:

	<b>Loại tiền</b>	<b>Lãi suất năm</b>	<b>Năm đáo hạn</b>	<b>31/12/2018</b> <b>VND</b>	<b>1/1/2018</b> <b>VND</b>
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh 4	VND	6,50%	2023	367.758.688.833	483.776.827.767

Khoản vay ngắn hạn và dài hạn từ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh 4 được đảm bảo bằng tài sản cố định hữu hình có giá trị ghi sổ tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 986.110 triệu VND (1/1/2018: 833.439 triệu VND) (Thuyết minh 8).

**18. Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của Công ty theo sự phê duyệt của các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Quỹ được dùng để chi trả các khoản khen thưởng cho nhân viên của Công ty theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Công ty.

Biến động quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm như sau:

	<b>2018</b> <b>VND</b>	<b>2017</b> <b>VND</b>
Số dư đầu năm	1.639.468.005	135.715.953
Trích lập trong năm (Thuyết minh 19)	7.022.088.334	6.022.944.394
Sử dụng trong năm	(6.203.579.758)	(4.519.192.342)
Số dư cuối năm	2.457.976.581	1.639.468.005

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Kiên Giang**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**19. Thay đổi vốn chủ sở hữu**

	<b>Vốn cổ phần VND</b>	<b>Quỹ đầu tư phát triển VND</b>	<b>Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND</b>	<b>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND</b>	<b>Tổng VND</b>
<b>Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2017</b>	115.000.000.000	-	324.264.343	24.909.387.047	140.233.651.390
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	60.229.443.937	60.229.443.937
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 18)	-	-	-	(6.022.944.394)	(6.022.944.394)
Trích các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu	-	6.022.944.394	6.876.830.503	(12.899.774.897)	-
Cổ tức (Thuyết minh 21)	-	-	-	(33.000.000.000)	(33.000.000.000)
Sử dụng các quỹ	-	-	(4.196.055.423)	-	(4.196.055.423)
<b>Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2018</b>	115.000.000.000	6.022.944.394	3.005.039.423	33.216.111.693	157.244.095.510
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	47.437.798.240	47.437.798.240
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 18)	-	-	-	(7.022.088.334)	(7.022.088.334)
Trích các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu	-	4.681.392.223	4.681.392.223	(9.362.784.446)	-
Cổ tức (Thuyết minh 21)	-	-	-	(28.750.000.000)	(28.750.000.000)
Trích quỹ hoạt động của Hội đồng Quản trị	-	-	-	(1.790.000.000)	(1.790.000.000)
Sử dụng các quỹ	-	-	(5.490.905.866)	-	(5.490.905.866)
<b>Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2018</b>	115.000.000.000	10.704.336.617	2.195.525.780	33.729.037.153	161.628.899.550

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Kiên Giang**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**20. Vốn cổ phần**

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	<b>31/12/2018 và 1/1/2018</b>	
	<b>Số cổ phiếu</b>	<b>VND</b>
<b>Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành</b>		
Cổ phiếu phổ thông	11.500.000	115.000.000.000
<b>Số cổ phiếu đang lưu hành</b>		
Cổ phiếu phổ thông	11.500.000	115.000.000.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

Không có biến động vốn cổ phần trong năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 và ngày 31 tháng 12 năm 2017.

**21. Cổ tức**

Tại cuộc họp ngày 2 tháng 2 năm 2018, Đại hội đồng cổ đông của Công ty đã quyết định phân phối khoản cổ tức cho các cổ đông là 40.250 triệu VND (tương đương 3.500 VND/cổ phiếu) từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2017, trong đó 11.500 triệu VND đã được ứng trước cho các cổ đông trong năm 2017 (2017: 21.500 triệu VND, tương đương 2.000 VND/cổ phiếu).

**22. Quỹ đầu tư phát triển**

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.



**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Kiên Giang****Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018**  
(tiếp theo)**Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***23. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán****(a) Cam kết thuê**

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	31/12/2018 VND	1/1/2018 VND
Trong vòng một năm	3.091.886.301	3.460.500.000
Từ hai đến năm năm	2.887.247.260	5.969.652.740
	5.979.133.561	9.430.152.740

**(b) Cam kết chi tiêu vốn**

Tại ngày báo cáo, Công ty có các cam kết vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán:

	31/12/2018 VND	1/1/2018 VND
Đã được duyệt và đã ký kết hợp đồng	1.678.702.395	9.543.478.557

**(c) Ngoại tệ**

	31/12/2018		1/1/2018	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
Ngoại tệ				
▪ USD	31.740	733.825.332	-	-

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Kiên Giang****Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018  
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***24. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng đã bán và dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng và thuế tiêu thụ đặc biệt.

	<b>2018</b> <b>VND</b>	<b>2017</b> <b>VND</b>
Tổng doanh thu		
▪ Bán thành phẩm	798.968.473.919	712.939.812.052
<i>Doanh thu bán thành phẩm đã bao gồm</i>		
<i>thuế tiêu thụ đặc biệt</i>	1.586.270.386.060	1.362.039.037.197
<i>Thuế tiêu thụ đặc biệt</i>	(787.301.912.141)	(649.099.225.145)
▪ Cho thuê kho	550.000.000	600.000.000
▪ Doanh thu khác	2.692.470.979	3.631.318.264
	<b>802.210.944.898</b>	<b>717.171.130.316</b>

**25. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp**

	<b>2018</b> <b>VND</b>	<b>2017</b> <b>VND</b>
Tổng giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp		
▪ Thành phẩm đã bán	653.455.758.474	559.721.588.119
▪ Chi phí khấu hao của bất động sản đầu tư	352.654.788	352.654.788
	<b>653.808.413.262</b>	<b>560.074.242.097</b>

**26. Doanh thu hoạt động tài chính**

	<b>2018</b> <b>VND</b>	<b>2017</b> <b>VND</b>
Lãi tiền gửi	174.075.668	243.685.588
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	45.000.000
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	-	1.964.408.571
	<b>174.075.668</b>	<b>2.253.094.159</b>

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Kiên Giang**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018**  
 (tiếp theo)

**Mẫu B 09 – DN**  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**27. Chi phí tài chính**

	<b>2018</b>	<b>2017</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí lãi vay	48.124.883.878	38.054.063.971
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	-	40.134.483
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	33.306.805	-
	48.158.190.683	38.094.198.454

**28. Chi phí bán hàng**

	<b>2018</b>	<b>2017</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí nhân viên	2.060.264.593	1.333.441.787
Chi phí công cụ dụng cụ	644.563.258	898.344.343
Chi phí khấu hao tài sản cố định	501.817.482	268.748.400
Chi phí bán hàng khác	10.987.106.291	12.141.046.534
	14.193.751.624	14.641.581.064

**29. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	<b>2018</b>	<b>2017</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí nhân viên	9.905.827.013	14.942.817.535
Chi phí công cụ dụng cụ	323.712.609	410.739.117
Chi phí khấu hao và phân bổ	5.232.664.118	5.123.062.483
Thuế phí, lệ phí	384.407.200	512.261.917
Chi phí dịch vụ mua ngoài	285.663.257	241.712.625
Chi phí khác	18.040.045.921	19.224.014.053
	34.172.320.118	40.454.607.730

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Kiên Giang**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**30. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố**

	<b>2018</b> <b>VND</b>	<b>2017</b> <b>VND</b>
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	531.734.979.769	459.231.067.438
Chi phí nhân công và nhân viên	35.818.238.368	39.448.440.688
Chi phí khấu hao và phân bổ	59.928.494.356	48.696.905.295
Chi phí dịch vụ mua ngoài	21.354.445.929	33.141.923.706
Chi phí khác	70.727.038.870	52.310.772.384

**31. Thuế thu nhập doanh nghiệp**

**(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh**

	<b>2018</b> <b>VND</b>	<b>2017</b> <b>VND</b>
<b>Chi phí thuế hiện hành</b>		
Năm hiện hành	4.353.217.841	5.433.344.337
Dự phòng thiếu trong những năm trước	57.188.812	-
	<b>4.410.406.653</b>	<b>5.433.344.337</b>
<b>Chi phí thuế thu nhập hoãn lại</b>		
Phát sinh và hoàn nhập các chênh lệch tạm thời	324.240.302	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	<b>4.734.646.955</b>	<b>5.433.344.337</b>

**(b) Đối chiếu thuế suất thực tế**

	<b>2018</b> <b>VND</b>	<b>2017</b> <b>VND</b>
Lợi nhuận kế toán trước thuế	52.172.445.195	65.662.788.274
Thuế theo thuế suất của Công ty	5.217.244.520	6.906.706.214
Chi phí không được khấu trừ thuế	455.814.401	344.927.386
Ưu đãi thuế	(3.200.804.105)	(4.534.961.432)
Ảnh hưởng của mức thuế suất khác áp dụng đối với các khoản thu nhập không được hưởng ưu đãi thuế	2.205.203.326	2.716.672.169
Dự phòng thiếu trong những năm trước	57.188.812	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	<b>4.734.646.955</b>	<b>5.433.344.337</b>

## Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Kiên Giang

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018  
(tiếp theo)

**Mẫu B 09 – DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

### (c) Thuế suất áp dụng

Theo các điều khoản trong Giấy Chứng nhận Đầu tư, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế suất thuế thu nhập là 10% trên lợi nhuận tính thuế trong 15 năm kể từ khi Công ty bắt đầu đi vào hoạt động (từ 2015 đến 2029). Các điều khoản trong Giấy Chứng nhận Đầu tư cũng cho phép Công ty được miễn thuế thu nhập trong 4 năm kể từ năm đầu tiên có thu nhập chịu thuế (từ 2015 đến 2018) và giảm 50% thuế thu nhập trong 9 năm tiếp theo (từ 2019 đến 2027).

Đối với thu nhập tính thuế phát sinh từ dự án đầu tư mở rộng do nâng công suất từ 50 triệu lít/năm lên 100 triệu lít/năm được tính theo thuế suất thuế thu nhập thông thường. Mức thuế suất thuế thu nhập thông thường áp dụng cho các doanh nghiệp chưa tính các ưu đãi là 20%.

## 32. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính riêng, trong năm Công ty có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Giá trị giao dịch	
	2018 VND	2017 VND
<b>Tổng Công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước Giải Khát Sài Gòn</b>		
Bán hàng hóa (đã bao gồm thuế tiêu thụ đặc biệt)	1.556.291.736.740	1.759.433.695.486
Mua nguyên vật liệu	457.942.814.837	392.296.108.440
Mua hàng hoá khác	60.385.500	24.664.500
Cổ tức	5.750.000.000	6.600.000.000
<b>Công ty con</b>		
<b>Công ty Cổ phần Kho Vận Bia Sài Gòn Kiên Giang</b>		
Góp vốn	12.977.183.000	300.000.000
<b>Nhân sự quản lý chủ chốt</b>		
Lương, thưởng và các phúc lợi khác	5.562.000.000	6.164.023.561



**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Kiên Giang**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018  
(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**33. Số liệu so sánh**

Số liệu so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2018 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

Ngày 29 tháng 3 năm 2019

Người lập:

  
Nguyễn Vũ Lâm  
Kế toán

Người duyệt:

  
Hà Thị Hoàn Hào  
Kế toán Trưởng



  
Lê Văn Thập  
Giám đốc

